

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
		TỔNG CỘNG						394 341	104 286	284 889			
I		CẢNG CHÍNH						77 184	29 120	48 064			
		<i>Tàu đã làm hàng (trong cầu)</i>						<i>6 050</i>	<i>6 024</i>	<i>26</i>			
1		VT & KDT	22/10	2559/10	29/10	NB 8707	CỤC XÔ 1C	1 200	1 187	13	26/10	TD	GIA HẠN L2
2		XNK ANH KHOA	26/10	2764/10	31/10	HP 3866	CÁM 4A.1	2 650	2 642	8	26/10	TD	Thay TBRT 2769/10 & 2680/10
3		CP VẬN TẢI THỦY	25/10	2754/10	31/10	HP 6863	CÁM 2A.1	2 200	2 195	5	26/10	TD	
		<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>						29 680	23 096	6 584			
1		ĐIỆN DUYÊN HẢI	22/10	678/10		VINACOMIN 30-01	CÁM 6A.14	26 600	22 342	4 258	ĐỎ	HỘ LỚN	
2		NHÔM ĐẮK NÔNG	26/10	2762/10	31/10	ĐẠI DƯƠNG 88	CỤC 4A.2	1 430	673	757	ĐỎ	HỘ LỚN	
							CÁM 5A.1	1 650	81	1 569	ĐỎ	HỘ LỚN	
		<i>Tàu đã làm lệnh (trong cầu)</i>						41 454		41 454			
1		ĐÀM HÀ BẮC	22/10	680/10	31/10	TD 16-TT	CÁM 4B.1	2 360		2 360		HỘ LỚN	
		ĐIỆN VŨNG ÁNG	26/10	690/10		TRƯỜNG NGUYỄN STAR	CÁM 5A.10	23 300		23 300		HỘ LỚN	
2		THAN SỐNG HỒNG	21/10	2621/10	28/10	BN 1348	CÁM 4B.1	993		993		TD	GIA HẠN L1
3		THAN SỐNG HỒNG	21/10	2630/10	28/10	BN 1746	CÁM 4B.1	1 000		1 000		TD	GIA HẠN L1
4		VẬN THỦY THỦY	16/10	2662/10	23/10	HP 5097	CỤC XÔ 1C	1 030		1 030		TD	
5		XNK ANH KHOA	18/10	2680/10	25/10	BN 2911	CÁM 4A.1	1 591		1 591		TD	
6		XNK ANH KHOA	18/10	2679/10	25/10	BN 0828	CÁM 4A.1	1 650		1 650		TD	
7		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2676/10	25/10	HP 6131	CÁM 4A.1	1 800		1 800		TD	
8		ĐTTM & DỊCH VỤ	18/10	2675/10	25/10	BN 1789	CÁM 4A.1	1 600		1 600		TD	
9		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2703/10	27/10	BN 2706	CÁM 4B.1	1 650		1 650		TD	Thay TBRT 2184/8
10		XNK VTA	21/10	2707/10	28/10	BN 2025	CÁM 4B.1	1 200		1 200		TD	
11		THÁI SƠN HP	22/10	2725/10	29/10	QN 8531	CÁM 4B.1	1 300		1 300		TD	
12		ĐTTM & DỊCH VỤ	26/10	2761/10	31/10	HD 1818	CÁM 4B.1	1 980		1 980		TD	Thay TBRT 2671/10
		Tàu chuyển tải						169 770	54 309	115 461			
		<i>Tàu đã làm hàng</i>						28 650	28 649	1			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/10	675/10		HẢI NAM 39	CẨM 6A.1	28 650	28 649	1	26/10	HỘ LỚN	CANG CHINH: 26.600,88 TTHG: 2.048,09
	Tàu dự kiến rút trong ngày							72 420	25 660	46 760			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 2	19/10	670/10		PACIFIC 01	CẨM 6A.14	27 690	25 660	2 030	ĐỎ	HỘ LỚN	KDTCP: 9.000 CLM: 9.000 KVCP: 9.690
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	21/10	674/10		HPS-01	CẨM 6A.1	24 050		24 050		HỘ LỚN	TTHG: 20.000 KVCP: 4.050
2		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	26/10	689/10		VIỆT THUẬN 215-06	CẨM 6A.1	20 680		20 680		HỘ LỚN	TTHG: 16.000 KVCP: 4.680
	Tàu đã làm lệnh (chuyển tải)							68 700		68 700			
1		ĐIỆN VĨNH TÂN 1	22/10	682/10		VIỆT THUẬN OCEAN	CẨM 6A.1	46 500		46 500		HỘ LỚN	TTHG: 42.000 KVCP: 4.500
2		KDT MIỀN BẮC	25/10	688/10		VTA NEPTUNE	CẨM 5B.10	22 200		22 200		PTCB	TTHG: 22.200
II	KHO G9-HÓA CHẤT							41 522	8 333	28 023			
	Tàu đã làm hàng							7 812	7 732	80			
1		KDT MIỀN BẮC	26/10	2757B/10	31/10	HP 6559	CẨM 7B	1 636	1 635	1	26/10	PTCB	NGUỒN KVCP
2		KDT MIỀN BẮC	26/10	2768/10	31/10	HP 6690	CẨM 7B	2 226	2 192	34	26/10	PTCB	
3		KDT CẦU ĐUỐNG	23/10	2738/10	30/10	BN 2629	CỤC 1B	1 800	1 791	9	26/10	TD	NGUỒN TN
4		DVVTQN	19/10	2689/10	26/10	LAM HỒNG 99	CẨM 8A	2 150	2 114	36	26/10	TD	NGUỒN CS
	Tàu dự kiến rút trong ngày							8 758	602	8 156			
1		XNK THAN	26/10	2765/10	31/10	VIỆT THUẬN TĐ 01	CẨM 7C	5 312		5 312		PTCB	Thay TBRT 2726/10
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	22/10	2729/10	29/10	BN 2228	CỤC XÔ 1B	1 096	257	839	ĐỎ	TD	NGUỒN CS
3		THAN MIỀN TRUNG	20/10	2698/10	27/10	HẢI ẦU 199	CẨM 8A	1 200		1 200		TD	NGUỒN ĐN-C6
							CỤC XÔ 1B	1 150	344	806	ĐỎ	TD	NGUỒN ĐN-C6
	Tàu đã làm lệnh							24 952		19 786			
1		KDT HÀ BẮC	22/10	2732/10	31/10	BG 0668	CẨM 7B	1 950		1 950		PTCB	NGUỒN CS
2		KDT HÀ BẮC	24/10	2748/10	31/10	BN 2518	CẨM 7B	1 685		1 685		PTCB	NGUỒN CS
3		KDT HẢI PHÒNG	25/10	2756/10	31/10	HP 5902	CẨM 7C	1 450		1 450		PTCB	NGUỒN KVCP
4		TRƯỜNG ANH 888	20/10	2612/10	27/10	VTT89 (QN 8757)	CẨM 8A	3 260		3 260		TD	NGUỒN ĐN-C6
5		XDCN MỎ ĐÔNG BẮC	19/10	2688/10	26/10	QN 7877	CẨM 8A	1 966		1 966		TD	NGUỒN CS

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
6		HÀNG HẢI VN	23/10	2740/10	30/10	QN 7535	CỤC 1B	1 100		1 100		TD	NGUỒN CS
7		VT &KD THAN	24/10	2744/10	30/10	NB 8530	CỤC 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN MD
8		XNK VTA	25/10	2758/10	31/10	HD 6666	CẨM 8A	2 300		2 300		TD	NGUỒN CS
9		XDCN MỎ	25/10	2760/10	31/10	HD 3028	CẨM 8A	2 879		2 879		TD	NGUỒN ĐN-C6
10		HÀNG HẢI VN	26/10	2766/10	31/10	BN 1798	CỤC XÔ 1C	1 100		1 100		TD	NGUỒN KC
11		SX & TM THAN UÔNG BÍ	26/10	2677/10	31/10	QN 8547	CỤC XÔ 1B	996		996		TD	NGUỒN CS
12		GOLDEN STAR	24/10	5 482		QNL-TĐ 06	TNK-LÀO	5 166				BỐC THAN NK	
III	<u>KHO BẢO NGUYỄN</u>							<u>10 870</u>	<u>2 320</u>	<u>8 550</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>2 314</i>	<i>2 320</i>	<i>- 6</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	22/10	679/10	31/10	TB 1716	CẨM 5B.10	2 314	2 320	- 6	26/10	HỘ LỚN	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>												
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							<i>8 556</i>		<i>8 556</i>			
1		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	684/10	31/10	QN 1043	CẨM 5B.10	2 400		2 400		HỘ LỚN	
2		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	685/10	31/10	QN 4113	CẨM 5B.10	1 716		1 716		HỘ LỚN	
3		ĐIỆN PHẢ LẠI	24/10	686/10	31/10	DỪNG SƠN 88(HP 6729)	CẨM 5B.10	4 440		4 440		HỘ LỚN	
IV	<u>KHO CẢNG KM6</u>							<u>11 995</u>	<u>2 404</u>	<u>9 591</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>							<i>2 445</i>	<i>2 404</i>	<i>41</i>			
1		NHÓM ĐẮK NÔNG - TKV	24/10	2 742	31/10	HOÀNG GIA 45	CỤC 4A.2	1 375	1 342	33	26/10	HỘ LỚN	
2		ĐV VT QUẢNG NINH	25/10	2 755	31/10	HP 6739	BỪN 3C	1 070	1 062	8	26/10	TD	
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							<i>1 200</i>		<i>1 200</i>			
1		TM XNK ANH KHOA	25/10	2 753	31/10	PT 2698	CỤC 1B	1 200		1 200		TD	
	<i>Tàu đã làm lệnh</i>							<i>8 350</i>		<i>8 350</i>			
1		CROMIT CĐ THANH HÓA	26/10	2763/10	31/10	AN PHÁT 39	CẨM 5A.1	5 000		5 000		PTCB	
2		CROMIT CĐ THANH HÓA	24/10	2745/10	31/10	THANH BÌNH 18	CẨM 5A.1	2 200		2 200		PTCB	
3		TM VÀ ĐV - VINACOMIN	24/10	2 749	31/10	HD 2056	CỤC 1B	1 150		1 150		TD	
V	<u>TÀU XUẤT KHẨU</u>							<u>40 000</u>	<u>7 800</u>	<u>32 200</u>			
	<i>Tàu đã làm hàng</i>												
	<i>Tàu dự kiến rút trong ngày</i>							<i>15 000</i>	<i>7 800</i>	<i>7 200</i>			

CÔNG TY KHO VẬN VÀ CẢNG CẨM PHẢ - VINACOMIN

PHÒNG ĐKSX

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÁC TÀU LÀM HÀNG KHU VỰC CẨM PHẢ

NGÀY 27 THÁNG 10 NĂM 2026

STT		Khách hàng	Ngày làm TB	Số TB	Ngày hết hạn TB	Tên phương tiện	Loại than	SL làm TB	SL thực rút	SL còn lại	Ngày xong	Mục đích sử dụng	
1		INDONESIA	16/10	7241		MV RONG HAI 1	CỤC SB.2	15 000	7 800	7 200	ĐỎ		KVDB: 15.000
		Tàu đã làm lệnh						25 000		25 000			
1		NHẬT BẢN	26/10	7495		MV ANSHUN	CÁM 3B.1	25 000		25 000			KVCP: 10.000 TTHG: 5.000
VI		TÀU NHẬP KHẨU		ĐƠN VỊ ĐIỀU HÀNH				43 000	-	43 000			
		Tàu đã làm hàng											
		Tàu dự kiến rút trong ngày						18 000		18 000			
1		MOZAMBIQUE	15/10	7208		MV METEOR	Than xx Mozambique	13 000		13 000			TTCO: 5.000 KVCP: 8.000
2		LÀO	22/10	7406		GOLDEN STAR	Than Antaracite Lào	5 000		5 000			KVCP: 5.000
		Tàu đã làm lệnh						25 000		25 000			
1		LÀO	22/10	7416		VIỆT THUẬN 235	Than Antaracite Lào	10 000		10 000			TTCO: 5.000 KVCP: 5.000
2		MOZAMBIQUE	26/10	7496		MV LYRIC HARMONY	Than xx Mozambique	15 000		15 000			TTCO: 15.000

